

A.  $y' = e^{\sin x} \cdot \cos x$ .    B.  $y' = e^{\cos x}$ .    C.  $y' = -e^{\sin x} \cdot \cos x$ .    D.  $y' = e^{\cos x} \cdot \sin x$ .

**Câu 23.** Đạo hàm của hàm số  $y = \frac{e^x + 2}{\sin x}$  là

A.  $y' = \frac{e^x (\sin x - \cos x) - \cos x}{\sin^2 x}$ .    B.  $y' = \frac{e^x (\sin x + \cos x) - 2 \cos x}{\sin^2 x}$ .

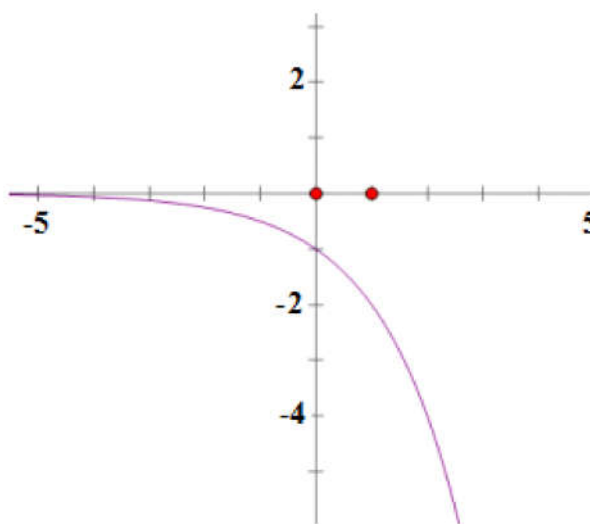
C.  $y' = \frac{e^x (\sin x - \cos x) - 2 \cos x}{\sin^2 x}$ .    D.  $y' = \frac{e^x (\sin x - \cos x) + 2 \cos x}{\sin^2 x}$ .

**Câu 24.** Cho hàm số  $y = \frac{e^{\sqrt{x}}}{\sqrt{x}}$ . Nghiệm của phương trình  $y' = 0$  là

A. 2.    B. 0.    C. 1.    D. e.

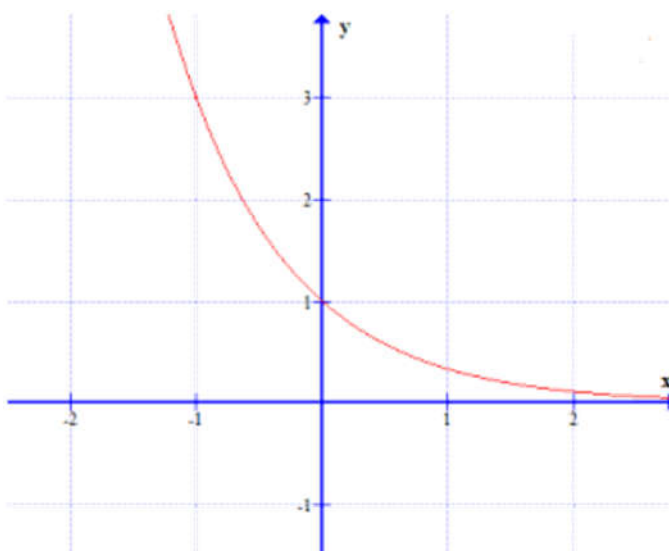
**Câu 25.** Hình bên là đồ thị của hàm số nào?

- A.  $y = -2^x$ .
- B.  $y = \frac{1}{2^x}$ .
- C.  $y = 2^x$ .
- D.  $y = -\frac{1}{2^x}$ .

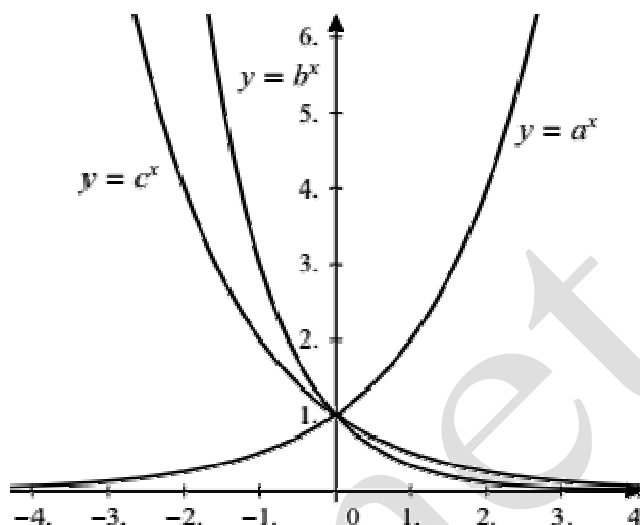


**Câu 26.** Hàm số nào có đồ thị như hình vẽ dưới đây?

- A.  $y = \left(\frac{1}{\sqrt{3}}\right)^x$ .
- B.  $y = \left(\frac{1}{3}\right)^x$ .
- C.  $y = 3^x$ .
- D.  $y = (\sqrt{3})^x$ .



**Câu 27.** Cho đồ thị của ba hàm số  $y = a^x$ ,  $y = b^x$  và  $y = c^x$  (với  $a, b, c$  là ba số dương khác 1 cho trước) như hình vẽ bên. Dựa vào đồ thị và các tính chất của lũy thừa hãy so sánh các số  $a, b, c$ .



- A.  $a > b > c$ .
- B.  $b > c > a$ .
- C.  $a > c > b$ .
- D.  $c > b > a$ .

**Câu 28.** Tập xác định của hàm số  $y = \frac{e^x}{e^x - 1}$  là tập nào sau đây?

- A.  $\mathbb{R} \setminus \{1\}$ .
- B.  $\mathbb{R}$ .
- C.  $\mathbb{R} \setminus \{0\}$ .
- D.  $\mathbb{R} \setminus \{e\}$ .

**Câu 29.** Cho các hàm số  $f_1(x) = x^{\frac{1}{2}}$ ;  $f_2(x) = \sqrt{x}$ ;  $f_3(x) = x^{\frac{1}{3}}$ ;  $f_4(x) = \sqrt[3]{x}$ . Các hàm số có cùng tập xác định là

- A.  $f_1; f_2$ .
- B.  $f_2; f_4$ .
- C.  $f_1; f_3$ .
- D.  $f_1; f_2; f_3$ .

**Câu 30.** Hàm số  $y = x^2 e^{-x}$  đồng biến trên khoảng nào?

- A.  $(0; 2)$ .
- B.  $(2; +\infty)$ .
- C.  $(-\infty; +\infty)$ .
- D.  $(-\infty; 0)$ .

**Câu 31.** Hàm số  $y = (x^2 - 3)e^x$  nghịch biến trên khoảng nào?

- A.  $(-\infty; -3)$ .
- B.  $(-3; 1)$ .
- C.  $(1; +\infty)$ .
- D.  $(-1; 3)$ .

**Câu 32.** Hàm số  $y = e^x + e^{-x}$  có bao nhiêu cực trị?

- A. 0.
- B. 3.
- C. 2.
- D. 1.

**Câu 33.** Cho hàm số  $y = (\sqrt{17} - \sqrt{3} - \sqrt{2})^x$ . Khẳng định nào sau đây **sai**?

- A. Hàm số nghịch biến trên khoảng  $(0; +\infty)$ .
- B. Hàm số nghịch biến trên  $\mathbb{R}$ .
- C. Giá trị gần đúng (với 3 chữ số thập phân) của hàm số tại  $x = 3$  là 0,932.
- D. Giá trị gần đúng (với 3 chữ số thập phân) của hàm số tại  $x = \sqrt{10}$  là 0,928.

**Câu 34.** Cho hàm số  $y = 4^x$ . Khẳng định nào sau đây **đúng**?

- A. Hàm số luôn đồng biến trên  $\mathbb{R}$ .
- B. Hàm số có tập giá trị là  $\mathbb{R}$ .

C. Đồ thị hàm số nhận trục Oy làm tiệm cận đứng.

D. Đạo hàm của hàm số là  $y' = 4^{x-1}$ .

**Câu 35.** Cho hàm số  $y = x - e^x$ . Khẳng định nào sau đây **đúng**?

A. Hàm số đạt cực tiểu tại  $x = 0$ .

B. Hàm số không xác định tại  $x = 0$ .

C. Hàm số đạt cực đại tại  $x = 0$ .

D. Hàm số không đạt cực trị tại  $x = 0$ .

**Câu 36.** Cho hàm số  $y = \left(\frac{1}{2}\right)^{x^2-2x}$ . Tìm khẳng định **đúng**.

A. Hàm số nghịch biến trên nửa khoảng  $[1; +\infty)$ .

B. Hàm số đồng biến trên  $\mathbb{R}$ .

C. Hàm số nghịch biến trên  $\mathbb{R}$ .

D. Hàm số đồng biến trên khoảng  $(1; +\infty)$ .

**Câu 37.** Hàm số  $y = 2^x \cdot \left(\frac{3}{5}\right)^{1-x}$

A. đồng biến trên  $(0; +\infty)$ .

B. nghịch biến trên  $\mathbb{R}$ .

C. đồng biến trên  $\mathbb{R}$ .

D. đồng biến trên  $(-\infty; 1)$ , nghịch biến trên  $(1; +\infty)$ .

**Câu 38.** Giới hạn  $\lim_{x \rightarrow 0} \frac{e^2 - e^{3x+2}}{x}$  bằng

A.  $-3e^2$ .

B.  $3e^2$ .

C.  $1 - 3e^2$ .

D.  $-3e^3$ .

**Câu 39.** Giới hạn  $\lim_{x \rightarrow 0} \frac{e^{2x} - e^{5x}}{x}$  bằng

A. 7.

B. -3.

C. 2.

D. 0.

**Câu 40.** Giới hạn  $\lim_{x \rightarrow +\infty} \left(xe^{\frac{1}{x}} - x\right)$  bằng

A. 1.

B.  $+\infty$ .

C. -1.

D. 0.

**Câu 41.** Giá trị lớn nhất của hàm số  $y = x^2 e^x$  trên đoạn  $[-1; 1]$  là

A.  $\frac{1}{e}$ .

B.  $e$ .

C. 0.

D.  $2e$ .

- Câu 42.** Tìm giá trị nhỏ nhất của hàm số  $y = 4^{\sin^2 x} + 4^{\cos^2 x}$ .
- A.  $2\pi$ .                      B.  $\pi$ .                      C. 2.                      D. 4.
- Câu 43.** Giá trị nhỏ nhất của hàm số  $y = e^x(x^2 - 3)$  trên đoạn  $[-2; 2]$  là
- A.  $e^2$ .                      B.  $-2e$ .                      C.  $\frac{6}{e^3}$ .                      D.  $\frac{1}{e^2}$ .
- Câu 44.** Giá trị nhỏ nhất, giá trị lớn nhất của hàm số  $y = \frac{x^2}{e^x}$  trên đoạn  $[-1; 1]$  lần lượt là
- A. 0 và  $\frac{1}{e}$ .                      B. 0 và  $e$ .                      C.  $\frac{1}{e}$  và  $e$ .                      D. 1 và  $e$ .
- Câu 45.** Cho hàm số  $y = xe^{-x}$  với  $x \in [0; +\infty)$ . Phát biểu nào sau đây **đúng**?
- A.  $\max_{x \in [0; +\infty)} y = \frac{1}{e}$ ;  $\min_{x \in [0; +\infty)} y = -\frac{1}{e}$ .                      B.  $\max_{x \in [0; +\infty)} y = \frac{1}{e}$ ;  $\min_{x \in [0; +\infty)} y = 0$ .
- C.  $\min_{x \in [0; +\infty)} y = \frac{1}{e}$  và không tồn tại  $\max_{x \in [0; +\infty)} y$ .                      D.  $\max_{x \in [0; +\infty)} y = \frac{1}{e}$  và không tồn tại  $\min_{x \in [0; +\infty)} y$ .
- Câu 46.** Giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số  $y = 2^{x^2 - 2x + 3}$  trên đoạn  $[0; 3]$  lần lượt là
- A. 64 và 4.                      B. 64 và 8.                      C. 64 và 2.                      D. 8 và 4.
- Câu 47.** Với giá trị nào của tham số  $m$  thì hàm số  $y = 2^{x+m}$  đạt giá trị nhỏ nhất bằng 4 trên đoạn  $[-1; 3]$ ?
- A.  $m = 2$ .                      B.  $m = 3$ .                      C.  $m = 1$ .                      D.  $m = 4$ .
- Câu 48.** Gọi  $M$  và  $m$  lần lượt là giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số  $y = 3^{x^2 - 6x + 1}$  trên đoạn  $[6; 7]$ . Khi đó,  $M - m$  bằng bao nhiêu?
- A. 6564.                      B. 6561.                      C. 6558.                      D. 6562
- Câu 49.** Giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số  $y = 2^{|x|}$  trên đoạn  $[-2; 2]$  lần lượt là
- A. 4 và  $-\frac{1}{4}$ .                      B. 4 và  $\frac{1}{4}$ .                      C. 1 và  $\frac{1}{4}$ .                      D. 4 và 1.
- Câu 50.** Cho hàm số  $y = (x^2 - 2x - 2)e^x$ . Tích giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số đã cho trên đoạn  $[0; 3]$  bằng
- A.  $-2e^3$ .                      B.  $-4e$ .                      C.  $-2e^6$ .                      D.  $-2e^5$ .
- Câu 51.** Cho  $2^x + 2^y = 4$ , giá trị lớn nhất của  $x + y$  là
- A. 1.                      B. 3.                      C. 2.                      D. 4.
- Câu 52.** Một lon nước soda  $80^0 F$  được đưa vào một máy làm lạnh chứa đá tại  $32^0 F$ . Nhiệt độ của soda ở phút thứ  $t$  được tính theo định luật Newton bởi công thức  $T(t) = 32 + 48 \cdot (0,9)^t$ . Phải làm mát soda trong bao lâu để nhiệt độ là  $50^0 F$ ?

A. 4 phút.

B. 1,56 phút.

C. 2 phút.

D. 9,3 phút.

**Câu 53.** Số lượng của một số loài vi khuẩn sau  $t$  (giờ) được xấp xỉ bởi đẳng thức  $Q = Q_0 \cdot e^{0,195t}$ , trong đó  $Q_0$  là số lượng vi khuẩn ban đầu. Nếu số lượng vi khuẩn ban đầu là 5000 con thì sau bao lâu có 100 000 con?

A. 20 giờ.

B. 3,55 giờ.

C. 24 giờ.

D. 15,36 giờ.

**ĐÁP ÁN**

1A	2D	3D	4C	5A	6C	7B	8A	9B	10A
11B	12A	13D	14C	15A	16C	17A	18B	19A	20C
21A	22A	23C	24C	25A	26B	27C	28C	29C	30A
31B	32D	33D	34A	35C	36A	37C	38A	39B	40A
41B	42D	43B	44B	45B	46A	47B	48C	49D	50D
51C	52D	53D							